

Số: 3681 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 08 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh mục và dự toán chi tiết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh mới; cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (đợt V, năm 2020).**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 17/12/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Công văn số 3967/BKHCN-KHTC ngày 10/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2020 của các tỉnh, thành phố;*

*Căn cứ Quyết định số 5318/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 02/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch các nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2020 tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 1733/QĐ-UBND ngày 10/5/2019; số 3630/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 về việc phê duyệt danh mục và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;*

*Theo đề nghị của Liên ngành: Sở Tài chính và Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 1166 /LN-KHCN-TC ngày 28/ 8/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục và dự toán chi tiết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh mới; cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (đợt V, năm 2020) như sau:

**1. Phê duyệt danh mục và dự toán chi tiết các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh mới.**

1.1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN mới: 07 nhiệm vụ (*Tên, tổ chức chủ trì, mục tiêu, nội dung chính, dự kiến kết quả, thời gian thực hiện, kinh phí thực hiện của từng nhiệm vụ KH&CN tại Biểu 1 kèm theo*).

1.2. Kinh phí thực hiện: **30.630,698** triệu đồng, trong đó:

- Nguồn sự nghiệp KH&CN (phần ngân sách nhà nước): 11.140,233 triệu đồng;
- Nguồn khác và nguồn tự có: 19.490,465 triệu đồng.

*(Có dự toán chi tiết tại các Biểu: 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1f kèm theo)*

## **2. Cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phần ngân sách nhà nước hỗ trợ (đợt V, năm 2020).**

2.1. Nguyên tắc cấp phần ngân sách nhà nước hỗ trợ:

- Đối với các nhiệm vụ KH&CN đã nghiệm thu, quyết toán: Cấp đủ 100% kinh phí còn thiếu để thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
- Đối với các nhiệm vụ KH&CN chuyển tiếp: Cấp không quá 80% dự toán được phê duyệt;
- Đối với các nhiệm vụ KH&CN mới: Kinh phí cấp lần đầu không quá 50% tổng dự toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN.

2.2. Cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phần ngân sách nhà nước hỗ trợ (đợt V, năm 2020) như sau:

a) Tổng kinh phí cấp đợt này: **4.218,89 triệu đồng** (Bốn tỷ, hai trăm mười tám triệu, tám trăm chín mươi ngàn đồng).

Trong đó:

- Kinh phí cho 02 nhiệm vụ đã nghiệm thu quyết toán: 653,0 triệu đồng;
- Kinh phí cho 02 nhiệm vụ chuyển tiếp: 1.135,89 triệu đồng;
- Kinh phí cho 07 nhiệm vụ mới: 2.430,0 triệu đồng.

*(Nội dung chi tiết tại các Biểu: 2,3 kèm theo)*

b) Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ, đề tài khoa học trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2020.

**Điều 2.** Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này:

**1. Sở Khoa học và Công nghệ:** Quyết định bổ nhiệm chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN và ký kết hợp đồng nghiên cứu đối với các nhiệm vụ KH&CN mới; kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN đảm bảo tiến độ và đúng quy định hiện hành của pháp luật.

**2. Sở Tài chính:** Thực hiện cấp kinh phí cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN; kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

**3. Các tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN:** Triển khai, thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đảm bảo đúng nội dung, tiến độ đã được phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức chủ trì các nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TTr UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- PCVP UBND tỉnh Trần Huy Chân;
- Lưu: VT, NN (QĐ 47).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Quyền**

**BIỂU 1: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH MỚI**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
1	Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết trồng, chế biến, tiêu thụ cây dược liệu Bạc hà (Mentha arvensis L), Hương nhu trắng (Ocimum gratissimum L) theo chuỗi giá trị tại Thanh Hóa.	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Mai	<p><i>Mục tiêu chung:</i> Ứng dụng KHCN xây dựng thành công mô hình liên kết trồng, chế biến, tiêu thụ dược liệu Bạc hà, Hương nhu trắng theo chuỗi giá trị đạt tiêu chuẩn GACP tại Thanh Hóa, góp phần nâng cao thu nhập, tạo công ăn việc làm, tăng hiệu quả kinh tế sử dụng đất cho người dân ở vùng dự án.</p> <p><i>Mục tiêu cụ thể:</i> - Xây dựng thành công các mô hình được Cục Quản lý y dược cổ truyền-Bộ Y tế cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn GACP: trồng Bạc hà đạt tiêu chuẩn GACP (quy mô 2ha, năng suất 16 tấn tươi/ha/năm, sản lượng 64 tấn tươi); trồng Hương nhu đạt tiêu</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức lựa chọn các thành phần tham gia mô hình liên kết; xây dựng và ký kết các văn bản làm cơ sở triển khai thực hiện các mô hình liên kết.</li> <li>- Tổ chức xây dựng mô hình liên kết</li> <li>- Xây dựng bản hướng dẫn xây dựng mô hình liên kết kết trồng, chế biến, tiêu thụ cây dược liệu Bạc hà, Hương nhu trắng (theo chuỗi giá trị phù hợp với điều kiện của Thanh Hóa.</li> <li>- Xây dựng phương án nhân rộng mô hình.</li> <li>- Báo cáo tổng kết dự án.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình trồng bạc hà đạt tiêu chuẩn GACP quy mô 2ha, năng suất 16 tấn tươi/ha/năm, sản lượng 64 tấn tươi, được Cục quản lý y, dược cổ truyền - Bộ Y tế cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn GACP.</li> <li>- Mô hình trồng Hương nhu đạt tiêu chuẩn GACP quy mô 2ha, năng suất 16 tấn tươi/ha/năm, sản lượng 64 tấn tươi được Cục quản lý y, dược cổ truyền - Bộ Y tế cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn GACP.</li> <li>- Mô hình chế biến tinh dầu: Công suất 2 tấn tươi/giờ, công nghệ cắt kéo hơi nước, đạt được điển VN5.</li> <li>- Tinh dầu bạc hà: ≥400 lít, đạt tiêu chuẩn dược điển VN 5.</li> </ul>	24 tháng	6.442,91	1.827,87	Dự toán chi tiết tại Biểu 1a kèm theo

			<p>chuẩn GACP (quy mô 2ha, năng suất 16 tấn tươi/ha/năm, sản lượng 64 tấn tươi)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng thành công mô hình chế biến tinh dầu: công suất 2 tấn tươi/giờ, công nghệ cất kéo hơi nước, <math>\geq 400</math> lít tinh dầu Bạc hà đạt tiêu chuẩn được điển VN 5; <math>\geq 400</math> lít tinh dầu Hương nhu trắng đạt tiêu chuẩn được điển VN 5.</li> <li>- Xây dựng được bản hướng dẫn kỹ thuật trồng Hương nhu trắng theo tiêu chuẩn GACP.</li> <li>- Xây dựng bản hướng dẫn xây dựng mô hình liên kết trồng, chế biến, tiêu thụ cây dược liệu Bạc hà, Hương nhu trắng theo chuỗi giá trị.</li> <li>- Đào tạo được 10 cán bộ kỹ thuật, tập huấn cho 100 lượt người dân.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tinh dầu hương nhu: <math>\geq 400</math> lít, đạt tiêu chuẩn được điển VN 5</li> <li>+ Mô hình liên kết tiêu thụ: Có ít nhất 2/3 sản lượng tinh dầu hương nhu, bạc hà đạt GACP của dự án được tiêu thụ qua mô hình liên kết.</li> <li>- Bản hướng dẫn xây dựng mô hình liên kết</li> <li>- Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của mô hình.</li> <li>- 10 cán bộ kỹ thuật được đào tạo, 100 lượt người dân được tập huấn.</li> </ul>					
2	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình sinh sản và khai thác Nhung Hươu sao (Cervus nippon)	Công ty TNHH Chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp	<p><i>Mục tiêu chung:</i></p> <p>Ứng dụng tiến bộ KH-CN xây dựng thành công mô hình chăn nuôi hươu sao sinh sản và nuôi thương phẩm Hươu sao khai thác nhưng gắn với tiêu thụ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều tra, đánh giá tình hình chăn nuôi hươu sao tại Thanh Hóa.</li> <li>- Chuyển giao, tiếp nhận các quy trình công nghệ về sản xuất giống và nuôi thương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất giống; nuôi thương phẩm Hươu sao khai thác nhưng phù hợp với điều kiện của địa phương và Bản hướng dẫn kỹ thuật khai thác và chế biến</li> </ul>	24 tháng	9.111,428	2.185,383	Dự toán chi tiết tại Biểu 1b kèm theo	

<p>gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị tại Thanh Hóa.</p>		<p>sản phẩm theo chuỗi giá trị tại Thanh Hóa.  <i>Mục tiêu cụ thể:</i>  - Tiếp nhận thành công 3 quy trình công nghệ: Quy trình chăn nuôi hươu sao sinh sản; Quy trình chăn nuôi hươu sao thương phẩm khai thác nhung; Quy trình chế biến nhung hươu.  - Xây dựng được 3 bản hướng dẫn kỹ thuật: chăn nuôi Hươu sinh sản; chăn nuôi Hươu thương phẩm khai thác nhung và chế biến nhung Hươu.  - Xây dựng thành công mô hình sinh sản quy mô 40 con cái và mô hình nuôi thương phẩm Hươu sao lấy nhung quy mô 40 con đực (lựa chọn 5 con đực chuyên phối giống).  - Sản xuất được 70 con giống Hươu sao đạt tiêu chuẩn cơ sở và 40 cặp nhung hươu sao.  - Đào tạo được 10 cán bộ kỹ thuật và 100 người dân được tập huấn kỹ thuật.</p>	<p>phẩm Hươu sao lấy nhung.  - Xây dựng mô hình trang chăn nuôi Hươu sao sinh sản và mô hình nuôi hươu sao thương phẩm khai thác nhung  - Hoàn thiện các quy trình kỹ thuật  - Tổ chức tập huấn, chuyển giao công nghệ chăn nuôi cho người dân  - Đánh giá hiệu quả, tổ chức hội thảo và xây dựng phương án liên kết chế biến, tiêu thụ sản phẩm  - Xây dựng phương án sử dụng và nhân rộng kết quả dự án.  - Báo cáo tổng kết dự án.</p>	<p>nhung Hươu.  - 01 mô hình sinh sản, nuôi thương phẩm Hươu sao lấy nhung, quy mô 40 con cái, 40 con đực.  - 70 con giống Hươu sao đạt tiêu chuẩn giống; 40 cặp nhung Hươu sao được tiêu thụ.  - 10 cán bộ kỹ thuật được cấp giấy chứng nhận đào tạo và 100 người dân được tập huấn kỹ thuật.  - Báo cáo phương án sử dụng và nhân rộng, mở rộng kết quả mô hình dự án.  - Báo cáo tổng kết, nghiệm thu dự án.</p>				
--	--	---	---	---	--	--	--	--

3	<p>Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình trồng, chăm sóc và phát triển rừng lâm nghiệp bền vững theo hướng đa dạng sinh học tại vùng biên giới 2 tỉnh Thanh Hóa - Hòa Phố nước CHDCND Lào</p>	<p>Công ty Cổ phần Sông Mã</p>	<p>- Tiếp nhận và ứng dụng được các quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc: Sâm Ngọc Linh (<i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv) và 5 loại cây lâm nghiệp: Sưa đỏ (<i>Dalbergia tonkinensis</i>), Lim xanh (<i>Erythrophleum fordii</i> Oliver), Pơ mu (<i>Fokienia hodginsii</i>), Giổi ăn hạt (<i>Michelia tonkinensis</i> A. Chev), Dó bầu (<i>Aquilaria crassna</i>). - Xây dựng thành công mô hình trồng Sâm Ngọc Linh dưới tán rừng với tổng diện tích 0,5 ha. - Xây dựng thành công mô hình trồng bổ sung 5 loại cây lâm nghiệp làm giàu rừng với tổng diện tích đất trồng là 20 ha tại vùng biên giới 2 tỉnh.</p>	<p>- Tổ chức tiếp nhận, chuyển giao các quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc: Sâm Ngọc Linh và 5 loại cây lâm nghiệp: Sưa đỏ, Lim xanh, Pơ mu, Giổi ăn hạt, Dó bầu. - Xây dựng mô hình trồng Sâm Ngọc Linh - Xây dựng mô hình trồng 5 loại cây lâm nghiệp: Sưa đỏ, Lim xanh, Pơ mu, Giổi ăn hạt, Dó bầu. - Xây dựng quy chế quản lý, bảo vệ các mô hình trồng, chăm sóc: Sâm Ngọc Linh và 5 loại cây lâm nghiệp: Sưa đỏ, Lim xanh, Pơ mu, Giổi ăn hạt, Dó bầu sau khi kết thúc dự án. - Xây dựng phương án sử dụng các kết quả của dự án.</p>	<p>- 6 Bản đồ tọa độ GPS tỷ lệ 1/10.000 vị trí trồng Sâm Ngọc Linh và 5 loại cây lâm nghiệp: Sưa đỏ, Lim xanh, Pơ mu, Giổi ăn hạt, Dó bầu. - Báo cáo kết quả triển khai mô hình trồng Sâm Ngọc Linh tại vùng biên giới 2 tỉnh Thanh Hóa-Hòa Phố. - Báo cáo kết quả triển khai mô hình trồng 5 loại cây lâm nghiệp: Sưa đỏ, Lim xanh, Pơ mu, Giổi ăn hạt, Dó bầu tại vùng biên giới 02 tỉnh Thanh Hóa-Hòa Phố. - Quy chế quản lý, bảo vệ các mô hình trồng: Sâm Ngọc Linh và 5 loại cây lâm nghiệp trên sau khi kết thúc dự án. - Phương án sử dụng các kết quả của dự án. - Báo cáo khoa học tổng kết dự án.</p>	<p>36 tháng</p>	<p>6.356,66</p>	<p>1.976,42</p>	<p>Dự toán chi tiết tại Biểu 1c kèm theo</p>
4	<p>Dự án: Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp xây dựng mô hình trồng, sơ chế và tiêu thụ 3 loại dược liệu: Náng</p>	<p>Công ty TNHH Dược Bảo Minh</p>	<p>- Tiếp nhận được các quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng dược liệu: Náng hoa trắng, Kim tiền thảo, Diệp hạ châu theo tiêu chuẩn GACP. - Xây dựng thành công</p>	<p>- Chuyển giao, tiếp nhận các quy trình kỹ thuật nhân giống và trồng dược liệu: Náng hoa trắng, Kim tiền thảo, Diệp hạ châu - Khảo sát, lựa chọn địa điểm bố trí mô</p>	<p>- Bản Quy chế hoạt động của mô hình trồng, sơ chế và tiêu thụ dược liệu: Náng hoa trắng, Kim tiền thảo, Diệp hạ châu - Báo cáo kết quả triển khai mô hình nhân</p>	<p>24 tháng</p>	<p>4.844,96</p>	<p>1.275,82</p>	<p>Dự toán chi tiết tại Biểu 1d kèm theo</p>

	<p>hoa trắng (Crinum asiaticum L), Kim tiền thảo (Desmodium styrafolium (Osb.) Merr), Diệp hạ châu đắng (Phyllanthus amarus Schum. et Thonn) theo GACP gắn với chuỗi giá trị tại huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.</p>		<p>mô hình nhân giống, trồng, sơ chế và tiêu thụ dược liệu: Náng hoa trắng, Kim tiền thảo, Diệp hạ châu đắng theo Tiêu chuẩn GACP.</p>	<p>hình nhân giống, trồng các loại dược liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế, thi công hệ thống nhà lưới phục vụ nhân giống; nhà sơ chế và bảo quản dược liệu</li> <li>- Xây dựng mô hình nhân giống trong nhà lưới các loại dược liệu: Náng hoa trắng, Kim tiền thảo, Diệp hạ châu đắng.</li> <li>- Xây dựng mô hình trồng, sơ chế và tiêu thụ dược liệu: Náng hoa trắng, Kim tiền thảo, Diệp hạ châu đắng.</li> <li>- Xây dựng phương án sử dụng và nhân rộng kết quả của dự án.</li> </ul>	<p>giống 3 loại cây dược liệu: Náng hoa trắng, Kim tiền thảo, Diệp hạ châu đắng (kèm theo biên bản nghiệm thu hơn 400.000 cây giống của 03 loại dược liệu đạt tiêu chuẩn xuất vườn).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả triển khai mô hình trồng, sơ chế và tiêu thụ dược liệu: Náng hoa trắng, Kim tiền thảo, Diệp hạ châu đắng (kèm theo hồ sơ minh chứng 09 tấn dược liệu khô đã được sơ chế).</li> <li>- Báo cáo phương án sử dụng kết quả dự án.</li> <li>- Báo cáo khoa học tổng kết dự án.</li> </ul>				
5	<p>Đề tài: Nghiên cứu phục dựng nghi thức tế lễ và lễ hội Thái miếu nhà Hậu Lê, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa gắn với phát triển du lịch.</p>	<p>Ban Quản lý Di tích lịch sử văn hoá Hàm Rồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khôi phục được nghi thức tế lễ và lễ hội Thái miếu nhà Hậu Lê, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.</li> <li>- Đề xuất được giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống nghi thức tế lễ và lễ hội Thái miếu nhà Hậu Lê, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa gắn với phát triển du lịch.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu giá trị nghi thức tế lễ và lễ hội Thái miếu nhà Hậu Lê, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.</li> <li>- Đánh giá thực trạng về tổ chức nghi thức tế lễ và lễ hội Thái miếu nhà Hậu Lê, phường Đông Vệ, Tp Thanh Hóa.</li> <li>- Nghiên cứu xây dựng kịch bản phục dựng nghi thức tế lễ và lễ hội tại Thái miếu nhà Hậu Lê, Phường Đông Vệ,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo về giá trị nghi thức tế lễ và lễ hội Thái miếu nhà Hậu Lê, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.</li> <li>- Báo cáo về thực trạng tổ chức nghi thức tế lễ và lễ hội Thái miếu nhà Hậu Lê, phường Đông Vệ, Tp Thanh Hóa.</li> <li>- Kịch bản nghi thức tế lễ và lễ hội Thái miếu nhà Hậu Lê, phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa.</li> </ul>	18 tháng	1.087,59	1.087,59	<p>Dự toán chi tiết tại Biểu 1đ kèm theo</p>



				<p>TP Thanh Hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phục dựng nghi thức tế lễ và lễ hội tại Thái miếu nhà Hậu Lê, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa.</li> <li>- Nghiên cứu giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị của nghi thức tế lễ và lễ hội tại Thái miếu nhà Lê gắn với hoạt động du lịch.</li> <li>- Phương án sử dụng kết quả của đề tài.</li> <li>- Viết báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Video phục dựng nghi thức tế lễ và lễ hội tại Thái miếu nhà Hậu Lê, phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa.</li> <li>- Báo cáo giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị của nghi thức tế lễ và lễ hội Thái miếu nhà Lê gắn với hoạt động du lịch.</li> <li>- Phương án sử dụng kết quả nghiên cứu.</li> </ul>				
6	<p>Đề tài: Thực trạng và giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên âm nhạc và mỹ thuật đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p>	<p>Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên âm nhạc và mỹ thuật trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</li> <li>- Xây dựng được kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên âm nhạc và mỹ thuật tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</li> <li>- Xây dựng phương án nâng cao nguồn lực đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên âm nhạc và mỹ thuật tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên âm nhạc và mỹ thuật trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020.</li> <li>- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên âm nhạc và mỹ thuật tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</li> <li>- Xây dựng phương án nâng cao nguồn lực đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên âm nhạc và mỹ thuật tại Trường Đại học Văn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên âm nhạc và mỹ thuật trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.</li> <li>- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên âm nhạc và mỹ thuật tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (được Sở GDĐT đồng ý tiếp nhận).</li> <li>- Chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng giáo viên âm nhạc, mỹ thuật và ứng dụng triển khai qua mạng phù hợp với điều kiện thực tiễn của</li> </ul>	18 tháng	1.106,45	1.106,45	<p>Dự toán chi tiết tại Biểu 1e kèm theo</p>

			<p>và Du lịch Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</p>	<p>hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên âm nhạc và mỹ thuật trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</li> <li>- Phương án sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài.</li> <li>- Viết báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài.</li> </ul>	<p>tỉnh Thanh Hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương án nâng cao nguồn lực đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên âm nhạc và mỹ thuật tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</li> <li>- Báo cáo giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên âm nhạc và mỹ thuật đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</li> <li>- Phương án sử dụng kết quả đề tài.</li> </ul>				
7	<p>Đề tài: Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất một số dạng bào chế thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ cây sâm báo (Abelmoschus sagittifolius (Kurz) Merr.) đang được trồng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p>	<p>Trường Đại học Hồng Đức</p>	<p><i>Mục tiêu chung:</i> Xây dựng thành công quy trình công nghệ sản xuất một số dạng bào chế thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ cây sâm báo đang được trồng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</p> <p><i>Mục tiêu cụ thể:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được thành phần hoạt chất chính có trong cây sâm báo đang được trồng tại Thanh Hóa tại các thời điểm trồng 6 tháng, 12 tháng và 24 tháng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Định danh loài; nghiên cứu xác định các chỉ tiêu định lượng, thành phần hóa học chính có trong cây Sâm báo 6 tháng, 12 tháng và 24 tháng tuổi.</li> <li>- Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất cao sâm báo, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho cao khô.</li> <li>- Nghiên cứu đánh giá tác dụng dược lý của dịch chiết Sâm báo hỗ trợ điều trị loét dạ dày</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo định danh loài cây Sâm Báo tại xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, (kèm theo kết quả đánh giá của đơn vị có chức năng, đảm bảo tính pháp lý).</li> <li>- Báo cáo xác định thành phần hoạt chất chính trong dược liệu Sâm báo đang được nuôi trồng tại Thanh Hóa (kèm theo kết quả đánh giá của đơn vị có chức năng, đảm bảo tính pháp lý).</li> </ul>	24 tháng	1.680,7	1.680,7	<p>Dự toán chi tiết tại Biểu 1f kèm theo</p>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được quy trình chiết cao sâm báo bảo tồn các hoạt chất làm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất các dạng thực phẩm bảo vệ sức khỏe con người.</li> <li>- Xây dựng được quy trình sản xuất một số dạng bào chế thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ cây sâm báo theo hướng hỗ trợ điều trị loét dạ dày.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất viên nang từ cao chiết sâm báo theo hướng hỗ trợ điều trị viêm loét dạ dày.</li> <li>- Xây dựng bộ hồ sơ đăng ký công bố thực phẩm bảo vệ sức khỏe</li> <li>- Đăng ký giải pháp hữu ích: đối với sản phẩm viên nang từ cao chiết sâm báo làm thực phẩm bảo vệ sức khỏe có tác dụng hỗ trợ điều trị loét dạ dày.</li> <li>- Xây dựng phương án sử dụng kết quả của đề tài.</li> <li>- Viết báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả đánh giá tác dụng dược lý của cao chiết Sâm báo theo hướng hỗ trợ điều trị loét dạ dày và bồi bổ sức khỏe (kèm theo kết quả đánh giá của đơn vị có chức năng, đảm bảo tính pháp lý).</li> <li>- Báo cáo kết quả đánh giá tác dụng dược lý của cao chiết Sâm báo theo hướng bồi bổ sức khỏe (kèm theo kết quả đánh giá của đơn vị có chức năng, đảm bảo tính pháp lý).</li> <li>- Báo cáo kết quả nghiên cứu xác định độc tính cấp, độc tính bán trường diễn của cao chiết từ Sâm báo (kèm theo kết quả đánh giá của đơn vị có chức năng, đảm bảo tính pháp lý).</li> <li>- Quy trình chiết cao sâm báo bảo tồn các hoạt chất làm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe.</li> <li>- Quy trình sản xuất viên nang từ cao chiết sâm báo làm thực phẩm</li> </ul>				
--	--	---	--	---	--	--	--	--

					bảo vệ sức khỏe có tác dụng hỗ trợ điều trị loét dạ dày. - Giấy tiếp nhận công bố thực phẩm bảo vệ sức khỏe. - Giấy xác nhận nộp đơn đăng ký giải pháp hữu ích. - 10.000 viên nang. - Phương án sử dụng kết quả đề tài. - Bài báo công bố kết quả của đề tài.				
	<b>Cộng</b>					<b>30.630,698</b>	<b>11.140,233</b>		

**Biểu 1a: Dự toán chi tiết Dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết trồng, chế biến, tiêu thụ cây dược liệu Bạc hà (*Mentha arvensis* L.), Hương nhu trắng (*Ocimum gratissimum* L.) theo chuỗi giá trị tại Thanh Hóa”**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (Triệu đồng)	Trong đó (Triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Nguyên vật liệu	1.480,20	520,25		959,95
2.	Khoản 2: Năng lượng (điện, xăng dầu....)	252,0			252,0
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc mua mới	233,0	100,5		132,5
4.	Khoản 4: Kinh phí hỗ trợ công nghệ	454,47	454,47	454,47	
5.	Khoản 5: Đầu tư cơ sở hạ tầng	2.220,0			2.220,0
6.	Khoản 6: Công lao động	1.589,38	538,8	538,8	1.050,59
7.	Khoản 7: Chi khác	213,85	213,85	213,85	
	<b>Tổng</b>	<b>6.442,91</b>	<b>1.827,87</b>	<b>1.207,12</b>	<b>4.615,04</b>

**Ghi chú:** Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1049/KLTD ngày 11/8/2020 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.

**Biểu 1b: Dự toán chi tiết Dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình sinh sản và khai thác  
nhung Hươu sao (Cervus nippon) gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị tại Thanh Hóa”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Nội dung chi	Tổng (Triệu đồng)	Trong đó (Triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Nguyên vật liệu	3.566,547	1.130,862		2.435,685
2.	Khoản 2: Năng lượng (điện, xăng dầu...)	300,0			300,0
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc mua mới	218,0	28,5		189,5
4.	Khoản 4: Kinh phí hỗ trợ công nghệ	310,623	310,623	310,623	
5.	Khoản 5: Đầu tư cơ sở hạ tầng	2490,0			2.490,0
6.	Khoản 6: Công lao động	1.977,978	467,118	467,118	1.510,860
7.	Khoản 7: Chi khác	248,28	248,28	248,28	
	<b>Tổng</b>	<b>9.111,428</b>	<b>2.185,383</b>	<b>1.026,021</b>	<b>6.926,045</b>

***Ghi chú:** Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1048/KLTD ngày 11/8/2020 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.*

**Biểu 1c: Dự toán chi tiết dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình trồng, chăm sóc và phát triển rừng lâm nghiệp bền vững theo hướng đa dạng sinh học tại vùng biên giới 2 tỉnh Thanh Hóa - Hòa Phấn nước CHDCND Lào”**

(Ban hành kèm theo Quyết định số            /QĐ-UBND ngày            tháng            năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (Triệu đồng)	Trong đó (Triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Nguyên, vật liệu, năng lượng	3.941,01	1.152,47	0	2.788,54
2.	Khoản 2: Đầu tư cơ sở hạ tầng	650	0	0	650
3.	Khoản 3: Chi phí hỗ trợ công nghệ	529,05	264,53	264,53	264,52
4.	Khoản 4: Máy móc, thiết bị	241	0	0	241
5.	Khoản 5: Chi phí lao động	710,81	301,92	301,92	408,89
6.	Khoản 6: Chi khác	284,79	257,5	257,5	27,29
	<b>Tổng</b>	<b>6356,66</b>	<b>1.976,42</b>	<b>823,95</b>	<b>4.380,24</b>

**Ghi chú:** Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1077/KLTĐ ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.

**Biểu 1d: Dự toán chi tiết dự án “Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp xây dựng mô hình trồng, sơ chế và tiêu thụ 03 loại dược liệu: Náng hoa trắng (*Crinum asiaticum* L.), Kim tiền thảo (*Desmodium styrafolium* (Osb.) Merr), Diệp hạ châu đắng (*Phyllathus amarus* Schum. et Thonn) theo GACP gắn với chuỗi giá trị tại huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa”**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Nội dung chi	Tổng (Triệu đồng)	Trong đó (Triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Nguyên, vật liệu, năng lượng	433,19	102,54	0	330,65
2.	Khoản 2: Đầu tư cơ sở hạ tầng	1500	0	0	1500
3.	Khoản 3: Chi phí hỗ trợ công nghệ	168,48	168,48	132	0
4.	Khoản 4: Máy móc, thiết bị	2.286	685,80	0	1.600,20
5.	Khoản 5: Chi phí lao động	201,53	75,53	75,53	126
6.	Khoản 6: Chi khác	255,76	243,47	243,47	12,29
	<b>Tổng</b>	<b>4.844,96</b>	<b>1.275,82</b>	<b>451</b>	<b>3.569,14</b>

*Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1076/KLTĐ ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.*



**Biểu 1đ: Dự toán chi tiết đề tài “Nghiên cứu phục dựng nghi thức tế lễ và lễ hội Thái miếu nhà Hậu Lê, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa gắn với phát triển du lịch”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Nội dung chi	Tổng (Triệu đồng)	Trong đó (Triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Công lao động	756,49	756,49	756,49	0
2.	Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng	61,74	61,74	0	0
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	47,6	47,6	0	0
4.	Khoản 4: Xây dựng và sửa chữa nhỏ	0	0	0	0
5.	Khoản 5: Chi khác	221,76	221,76	105,46	0
	<b>Tổng</b>	<b>1.087,59</b>	<b>1.087,59</b>	<b>861,95</b>	<b>0</b>

***Ghi chú:** Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1104/KLTD ngày 18/8/2020 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.*

**Biểu 1e: Dự toán chi tiết đề tài “Thực trạng và giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên âm nhạc và mỹ thuật  
đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_/QĐ-UBND ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Nội dung chi	Tổng (Triệu đồng)	Trong đó (Triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Công lao động	739,1	739,1	739,1	0
2.	Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng	0	0	0	0
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	0	0	0	0
4.	Khoản 4: Xây dựng và sửa chữa nhỏ	0	0	0	0
5.	Khoản 5: Chi khác	367,35	367,35	367,35	0
	<b>Tổng</b>	<b>1106,45</b>	<b>1106,45</b>	<b>1106,45</b>	<b>0</b>

***Ghi chú:** Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1096/KLTD ngày 18/8/2020 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.*

**Biểu 1f: Dự toán chi tiết đề tài “Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất một số dạng bào chế thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ cây sâm báo (*Abelmoschus sagittifolius* (Kurz) Merr.) đang được trồng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_/QĐ-UBND ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Nội dung chi	Tổng (Triệu đồng)	Trong đó (Triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Công lao động	715,66	715,66	715,66	0
2.	Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng	727,2	727,2	0	0
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	0	0	0	0
4.	Khoản 4: Xây dựng và sửa chữa nhỏ	0	0	0	0
5.	Khoản 5: Chi khác	237,84	237,84	140,11	0
	<b>Tổng</b>	<b>1.680,7</b>	<b>1.680,7</b>	<b>855,77</b>	<b>0</b>

***Ghi chú:** Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1103/KLTD ngày 18/8/2020 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.*

**BIỂU 2: TỔNG HỢP CẤP KINH PHÍ SNKH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH (ĐỢT V NĂM 2020)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Kinh phí (Triệu đồng)				Ghi chú
		Tổng số	Tổng SNKH	SNKH đã cấp	SNKH cấp đợt này	
1.	02 nhiệm vụ đã nghiệm thu, quyết toán	4.029,815	1.746,495	1.093,495	653	Nội dung chi tiết tại Biểu 3.
2.	02 nhiệm vụ chuyển tiếp	11.992,31	4.152,11	1.352,11	1.135,89	
3.	07 nhiệm vụ mới	30.630,698	11.140,233	0	2.430	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>46.652,823</b>	<b>17.038,838</b>	<b>2.445,605</b>	<b>4.218,89</b>	

**BIỂU 3: CHI TIẾT CẤP KINH PHÍ CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH ĐỢT V, NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Thời gian thực hiện	Kinh phí theo quyết toán (Triệu đồng)			
				Tổng	SNKH	SNKH đã cấp	SNKH cấp đợt này
<b>1.</b>	<b>Nhiệm vụ KH&amp;CN đã nghiệm thu, quyết toán.</b>			<b>4.029,815</b>	<b>1.746,495</b>	<b>1.093,495</b>	<b>653</b>
1.1	Dự án: Ứng dụng KHCN xây dựng mô hình chăn nuôi lợn ngoại khép kín an toàn sinh học tại xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy.	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Cẩm Thủy	10/2017 - 10/2019	3.127,08	843,76	590,76	253
1.2	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng các giải pháp chủ yếu nhằm hạn chế những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh Thanh Hóa.	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	5/2018 - 5/2020	902,735	902,735	502,735	400
<b>2.</b>	<b>Nhiệm vụ KH&amp;CN chuyển tiếp.</b>			<b>1.1992,31</b>	<b>4.152,11</b>	<b>1.352,11</b>	<b>1.135,89</b>
2.1	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng quy trình quản lý sản xuất, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống đảm bảo an toàn thực phẩm tại Công ty Cổ phần Dạ Lan.	Công ty Cổ phần Dạ Lan	10/2019 - 4/2021	1.282,76	941,76	231,76	330,03
2.2	Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất Sâm báo ( <i>Abelmoschus sagittifolius</i> (Kurz) Merr.) gắn với chuỗi giá trị tại huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa.	Công ty Cổ phần Dược liệu Triệu Sơn	02/2019 - 8/2021	10.709,55	3.210,35	1.120,35	805,86
<b>3.</b>	<b>Nhiệm vụ KH&amp;CN mới</b>			<b>30.630,698</b>	<b>11.140,233</b>	<b>0</b>	<b>2430</b>
3.1	Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết trồng, chế biến, tiêu thụ cây dược liệu Bạc hà ( <i>Mentha arvensis</i> L.), Hương nhu trắng ( <i>Ocimum gratissimum</i> L.) theo chuỗi giá trị tại Thanh Hóa.	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Mai	24 tháng	6.442,91	1.827,87	0	390

3.2	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình sinh sản và khai thác nhung Hươu sao ( <i>Cervus nippon</i> ) gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị tại Thanh Hóa.	Công ty TNHH Chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp	24 tháng	9.111,428	2.185,383	0	480
3.3	Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình trồng, chăm sóc và phát triển rừng lâm nghiệp bền vững theo hướng đa dạng sinh học tại vùng biên giới 2 tỉnh Thanh Hóa – Hòa Phấn nước CHDCND Lào.	Công ty Cổ phần Sông Mã	36 tháng	6.356,66	1.976,42	0	430
3.4	Dự án: Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp xây dựng mô hình trồng, sơ chế và tiêu thụ 03 loại dược liệu: Náng hoa trắng ( <i>Crinum asiaticum</i> L.), Kim tiền thảo ( <i>Desmodium styrafolium</i> (Osborn) Merr), Diệp hạ châu đắng ( <i>Phyllanthus amarus</i> Schum. et Thonn) theo GACP gắn với chuỗi giá trị tại huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Công ty TNHH dược Bảo Minh	24 tháng	4.844,96	1.275,82	0	280
3.5	Đề tài: Nghiên cứu phục dựng nghi thức tế lễ và lễ hội Thái miếu nhà Hậu Lê, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa gắn với phát triển du lịch.	Ban Quản lý di tích lịch sử văn hoá Hàm Rồng	18 tháng	1.087,59	1.087,59	0	240
3.6	Đề tài: Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất một số dạng bào chế thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ cây sâm báo ( <i>Abelmoschus sagittifolius</i> (Kurz) Merr.) đang được trồng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Trường Đại học Hồng Đức	24 tháng	1.680,7	1.680,7	0	370
3.7	Đề tài: Thực trạng và giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên âm nhạc và mỹ thuật đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch	18 tháng	1.106,45	1.106,45	0	240